

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ
KHÍ XÂY DỰNG AMECC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1904/2023/CBTT-TB

Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN



Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**
Trụ sở chính : Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Tp. Hải Phòng,
Việt Nam.

Điện thoại : (+84) 2253.922786

Fax: (+84) 2253.922783

Website : <https://amecc.com.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: **ĐINH PHƯƠNG THẢO**

Địa chỉ : 117 Thế Lữ, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : 0982800883

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC công bố Bản Báo cáo thường niên 2022. Nội dung chi tiết như văn bản đính kèm

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC vào ngày 19/04/2023 tại đường dẫn: <https://amecc.com.vn/cong-bo-thong-tin-170094.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên 2023

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐINH PHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022



AMECC
Cùng xây ngày mai

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
-----o0o-----**

Số: 1804/2023/BC-AMECC

Hải Phòng, ngày 18 tháng 04 năm 2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
NĂM 2022

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Hải Phòng, tháng 4/2023

A1. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC.

Năm 2022 đi qua, kinh tế - xã hội Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Ở trong nước, nhờ vào sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, kinh tế nước ta ước đạt mức tăng trưởng 8,02%, đây là mức tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, các doanh nghiệp đã chủ động hơn về lao động và kế hoạch sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn để phục hồi, mở rộng sản xuất. Ngành công nghiệp chế biến, gia công chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,10%, tuy nhiên trong đó chủ yếu chiếm tỷ trọng lớn (trên 93%) thuộc về các DN FDI.

Các doanh nghiệp cơ khí nói chung và Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC nói riêng cũng không nằm ngoài những tác động tiêu cực này. Với sự chủ động thích nghi với khó khăn và sự dẫn dắt của HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty đã giúp hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định trong năm 2022 và tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ trong năm 2023 tiếp theo. Theo đó doanh thu thuần của Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đạt 2.621,44 tỷ VNĐ, giảm 2,11% so với năm 2021 là 2.677,99 tỷ VNĐ, nhưng tăng 0,82% so kế hoạch đề ra là 2.600 tỷ VNĐ. Lợi nhuận sau thuế đạt 45,49 tỷ VNĐ tuy chưa đạt theo kế hoạch đề ra là 76 tỷ VNĐ, nhưng tăng 14,47% so với năm 2021 là 39,73 tỷ VNĐ, từ những số liệu trên thể hiện chất lượng doanh thu đang dần được cải thiện rõ rệt.

Bước sang năm 2023, ngành cơ khí Việt Nam được dự báo là sẽ tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Việc Việt Nam đã tham gia hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và dòng dịch chuyển đầu tư toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ sẽ mang lại những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong

2. Một số chỉ tiêu chính

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã kiểm toán

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,621,440,531,923	2,677,987,829,210
Giá vốn hàng bán	2,409,684,635,675	2,480,951,417,936
Lợi nhuận trước thuế	57,297,337,590	50,611,649,523
Lợi nhuận sau thuế	45,493,031,926	39,727,195,075
Bảng cân đối kế toán		
Tổng tài sản	2,794,297,971,729	2,166,253,235,505
Vốn chủ sở hữu	512,351,622,005	467,722,458,591
Nợ phải trả	2,281,946,349,724	1,698,530,776,914
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
ROE	8.88%	8.50%
ROA	1.63%	1.83%

3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

❖ Tầm nhìn

AMECC mong muốn trở thành Tập đoàn lớn mạnh hàng đầu Việt Nam, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam trong thế kỷ 21.

❖ Sứ mệnh

AMECC mang lại sự Thịnh vượng và Niềm tin cho Khách hàng cũng như Nhà đầu tư, không ngừng phát triển và gia tăng Giá trị cuộc sống cho người lao động và toàn xã hội


❖ Giá trị cốt lõi

Tại AMECC, mục đích tối thượng là thúc đẩy và định hướng các cá nhân và tổ chức nhận ra tiềm năng của chính họ thông qua môi trường làm việc năng động, đoàn kết và phương pháp làm việc mang tính tương tác cao.

A2. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

❖ Thông tin khái quát

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
Tên viết tắt	AMECC JSC.
Tên tiếng anh	AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JOINTSTOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0200786983
Vốn điều lệ	366.298.650.000 đồng
Địa chỉ	Km35, Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	0225.3922786
Số fax	0225.3922783
Website	www.amecc.com.vn
Mã cổ phiếu	AMS
Logo	
Slogan	Cùng xây ngày mai

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 01/02/2008: Công ty chính thức được thành lập với tên giao dịch: Công ty cổ phần LISEMCO2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983, do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216, do Ủy ban Nhân dân Hải phòng cấp ngày 26 tháng 09 năm 2008. Công ty thực hiện việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ LISEMCO và hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ngày 25/04/2016: Công ty cổ phần LISEMCO 2 được đổi tên thành Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC (AMECC JSC). AMECC JSC hiện có 3 Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép với tổng diện tích hơn 240.000m² và năng lực gia công chế tạo khoảng 30.000 tấn/năm.
- Năm 2014, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC liên kết với các nhà đầu tư thành lập Công ty cổ phần mạ kẽm AMECC, nay đã được đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN AMECC GT. Công ty chuyên cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn và sản xuất Grating hàng đầu khu vực phía Bắc với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cho ra những sản phẩm mà có độ bền cao, với chiều dày lớp mạ lên đến 150 μ m.
- Năm 2016, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC góp vốn thành lập CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Năm 2017, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC thành lập Công ty TNHH AMECC Myanmar (AMECC Myanmar Co.,Ltd) có trụ sở chính tại Thành phố Yangon chuyên cung cấp dịch vụ gia công cơ khí chế tạo.
- Năm 2018, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật AMECC Miền Nam thực hiện chiến lược mở rộng thị trường phía Nam với ngành nghề kinh doanh chính gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, thực hiện các dự án EPC tại khu vực Miền Nam.
- Hiện nay, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC với hơn 15 năm kinh nghiệm và phát triển, cam kết đồng hành cùng cả nước phát triển ngành công nghiệp chế tạo, xây lắp, xây dựng mục tiêu trở thành nhà thầu chính cho các dự án lớn trong và ngoài nước, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp như: gia công chế tạo cơ khí, xây dựng công trình năng lượng nhiệt điện, điện mặt trời, xi măng, cầu đường...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
5.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
6.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4299
7.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4222
10.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
11.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây	7110

Báo cáo thường niên AMS 2022

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình	
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang	4662
13.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo cơ khí; Đào tạo đóng mới và sửa chữa tàu	8559
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế các công trình nổi	7410
15.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn	3290
16.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyên	2816
17.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo các hình thức được quy định tại điểm b, d, h khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
19.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
20.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bản lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực	2599
21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22.	Phá dỡ	4311

Báo cáo thường niên AMS 2022

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Vận tải đường ống	4940
26.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
29.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592 (Chính)
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi	4329
32.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng	4390
33.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
34.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán	4659

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy	
38.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
39.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
42.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
44.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
46.	Sản xuất điện	3511
47.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520

❖ **Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính**

- **Tư vấn-thiết kế**

Các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, nhà tiền chế, hệ thống ống cao áp và hạ áp, giá đỡ ống, bồn bể, cầu trục, thiết bị nâng, và các thiết bị phi tiêu chuẩn khác...

Các phần mềm áp dụng trong thiết kế: Autocad, Tekla, CP Manager, Autonet, các phần mềm pha cắt...

- **Gia công chế tạo**

Kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, các loại nhà thép tiền chế, cột thép, ống công nghệ hạ áp và cao áp, các loại bồn bể áp lực, cầu trục, thiết bị nâng, cầu hành khách sân bay, hệ thống băng tải, kết cấu cầu, công ten nơ...

- **Cung cấp**

Các sản phẩm mạ kẽm, kẽm phi hợp kim, vật liệu bọc lót chống mài mòn.



Các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...)

- Dịch vụ vận chuyển

Với đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong việc vận chuyển đường dài, được trang bị các loại xe trọng tải lớn, hiện đại, có khả năng đáp ứng nhanh, kịp thời, vận chuyển hàng hóa an toàn, theo nhu cầu của khách hàng.

- Xây lắp

Xây dựng và lắp đặt các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, phân đạm, lọc dầu, hóa chất, nhà máy sản xuất thép, nhà máy xử lý nước, công trình thủy lợi, công trình hàng hải, các công trình dân dụng...

- Sửa chữa, bảo dưỡng

Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện, xi măng, lọc dầu, hóa chất và các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Công ty có các dự án, công trình lớn trải khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam tại Việt Nam cũng như ở nước ngoài:

- Dự án Sarawak – Samsung.
- Dự án cung cấp thiết bị đồng bộ nhà Hangar (EPC) số 3 tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
- Dự án điện năng lượng mặt trời Phước Thái 1 – Ninh Thuận
- Dự án Đầu tư xây dựng công trình tận dụng nhiệt thừa khí thải dây chuyền 1 và dây chuyền 2 để phát điện (WHR) thuộc Công ty cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn
- Dự án BHI - Hàn Quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 (ba) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

- **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp;

Ban kiểm soát có từ ba (3) đến năm (5) thành viên do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- **Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 64 của Luật Doanh nghiệp.

- ❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý**

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các văn bản quy định khác có liên quan và Điều lệ của Công ty:

+ Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

* Đại hội đồng Cổ đông

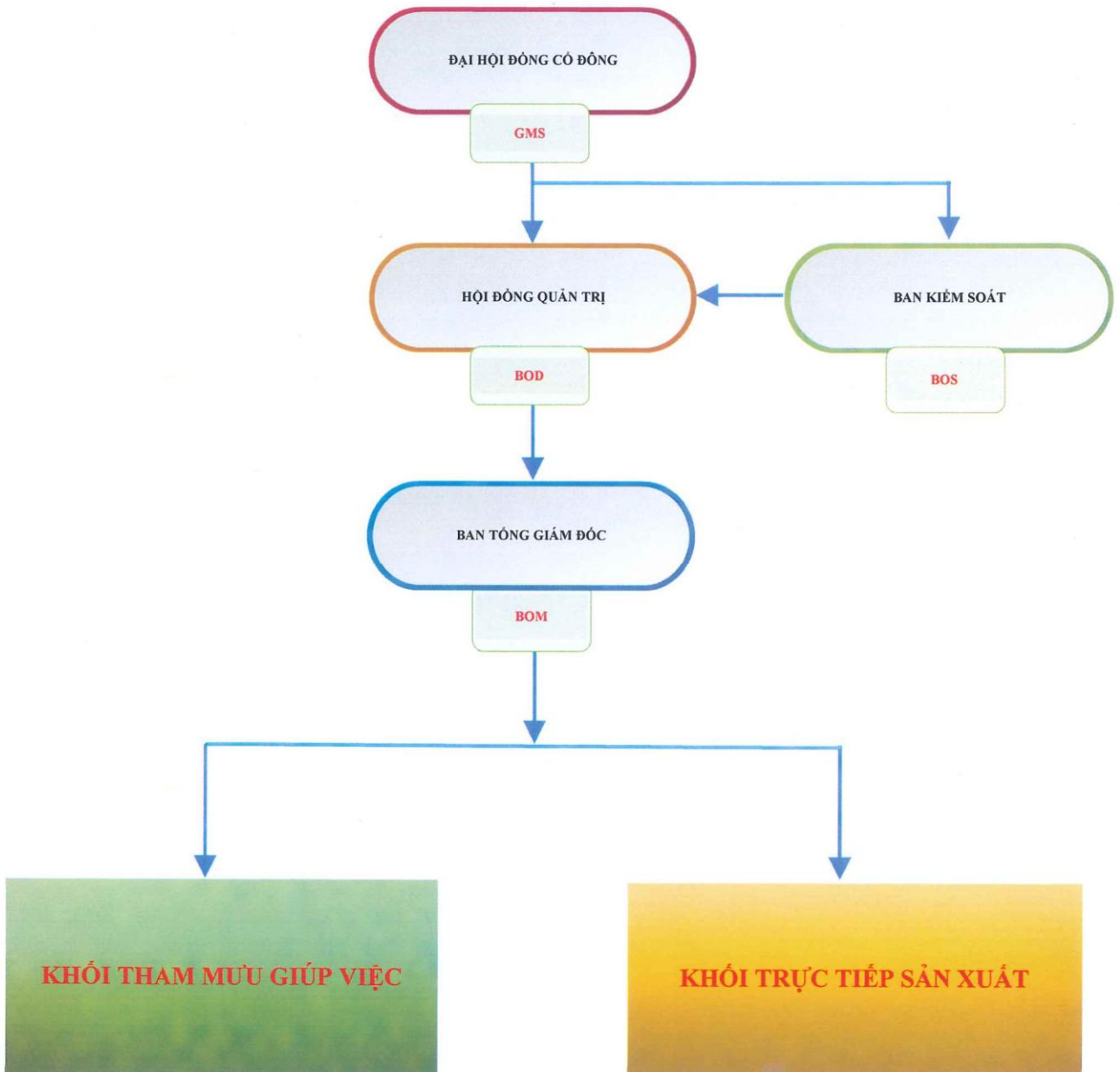
* Hội đồng Quản trị

* Ban Kiểm soát

* Ban Tổng giám đốc

* Khối tham mưu giúp việc: Các Ban chức năng gồm: Ban Hành chính Nhân sự; Ban Tài chính kế toán; Ban Mua hàng và Logistics; Ban Quản lý dự án; Ban An toàn và Quản lý chất lượng; Ban Kỹ thuật Công nghệ; Ban Quản lý Thiết bị và Cơ giới; Ban Kinh doanh; Ban Điều hành sản xuất; Trung tâm tư vấn thiết kế và Trung tâm Module.

* Khối trực tiếp sản xuất: Các đơn vị trực tiếp sản xuất của Công ty bao gồm Nhà máy gia công chế tạo kết cấu thép AMECC 1; Nhà máy gia công chế tạo kết cấu thép AMECC 2; Chi nhánh Quảng Ninh; Chi nhánh AMECC 1; Chi nhánh AMECC 2; Chi nhánh Xây dựng dân dụng công nghiệp AMECC; Trung tâm Pha cắt; Trung tâm Sơn và chống ăn mòn;



STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của AMS
I Công ty con					
1	Công ty TNHH AMECC MYANMAR	Nhà số (B/7/A), Hanthar Yeik Moon, Thị trấn Kamayut, Yangon, Myanma	Theo hoạt động ủy quyền của Công ty mẹ	500.000 USD (tương đương 11.365.000.000 đồng)	100%
II Công ty liên kết					
1	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng các loại; Gia công cơ khí, chế tạo thiết bị và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép	41.999 tỷ đồng	23,50%
III Đầu tư vào đơn vị khác					
1	CÔNG TY CP AMECC GT (CÔNG TY CÔNG TY CP MẠ KẼM AMECC)	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, sản xuất grating, gia công chế tạo & lắp đặt kết cấu thép	60 tỷ đồng	11,53%
2	CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT AMECC MIỀN NAM	Tầng 3 tòa nhà Hodeco, số 36 Nguyễn Thái Học, Phường 7, TP Vũng Tàu	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	10 tỷ đồng	18,84%

4. Giới thiệu Ban lãnh đạo

❖ Giới thiệu HĐQT

Ông Nguyễn Văn Nghĩa – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh

24/03/1963

Báo cáo thường niên AMS 2022

Nơi sinh	Cao Xá - Lâm Thao - Phú Thọ
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Số CMND	130149322
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu	12,31%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Văn Thọ - Thành viên HĐQT, TGD Công ty

Ngày tháng năm sinh	20/07/1975
Nơi sinh	Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	13,98%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Kikugawa Tetsuya - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	07/10/1966
Nơi sinh	Nhật Bản

Báo cáo thường niên AMS 2022

Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Inoue Yuji – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	30/09/1969
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Địa chỉ thường trú	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kỹ sư
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Trần Ngọc Dương - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	24/08/1972
Nơi sinh	Khoái Châu, Hưng Yên, Việt Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Báo cáo thường niên AMS 2022

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	1,50%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Đinh Ngọc Thắng - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	21/10/1967
Nơi sinh	Đông Lĩnh, Đông Sơn, Thanh Hóa.
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	1,53%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Người đại diện phần vốn góp CTCP Vận tải biển quốc tế VISC

Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	28/02/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhiệt công nghiệp

	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,28%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

❖ Giới thiệu BKS

Bà Phạm Minh Hiếu - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	16/10/1976
Nơi sinh	Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

Ông Fujiwara Norimasa - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	07/08/1958
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

Bà Nguyễn Thị Khánh Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	13/02/1992
Nơi sinh	Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kế toán và QL tài chính
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

5. Định hướng phát triển

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát huy tối đa lợi thế, năng lực ngành nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực, tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Với mục tiêu là vai trò tổng thầu EPC, thực hiện gia công chế tạo kết cấu thép, lắp đặt thiết bị và thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa theo nhóm ngành năng lượng, xi măng, hóa chất, lọc hóa dầu.
- Tăng cường công tác Marketing, đấu thầu tìm việc làm ổn định cho người lao động, thúc đẩy hợp tác với các đối tác sẵn có, liên doanh, liên kết và có phương án huy động vốn đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh được kịp thời.
- Xây dựng chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư, kỹ thuật, kỹ sư quản lý dự án, kỹ sư quản lý chất lượng, thợ hàn kỹ thuật cao, thợ lắp đặt để nâng cao giá trị năng lực, thương hiệu, cũng như công suất-năng suất gia công chế tạo và lắp đặt đáp ứng thi công các dự án lớn.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác đổi mới tại doanh nghiệp phù hợp với quy mô và hoạt động thực tế của Công ty trong đó trọng tâm là công tác tổ chức và hệ thống quản trị công ty.
- Đảm bảo công tác an toàn lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, hàng năm tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho Công ty và cộng đồng.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược về SXKD

- Duy trì ngành nghề kinh doanh chính và phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng và khai thác thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nâng tỷ trọng hàng xuất khẩu và lắp đặt cao hơn để gia

tăng lợi nhuận. Hợp tác với các nhà thầu có uy tín trong và ngoài nước để tham gia làm thành viên trong Tổng thầu EPC thực hiện các dự án lớn trong nước và ngoài nước.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu gồm máy móc, thiết bị, đáp ứng các ngành nghề cung cấp chế tạo, xây lắp tổng thầu các dự án có quy mô lớn, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất đã hoàn thành đầu tư. Duy trì và tăng cường hệ thống quản lý ISO, ASME, 5S...và ứng dụng các phần mềm quản lý khác.

Chiến lược về vốn

- Chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền trung và dài hạn, ổn định là mục tiêu quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Thúc đẩy tăng trưởng nhằm tăng doanh thu và mở rộng cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực thương mại để có nguồn thu thường xuyên, ổn định, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và bảo toàn vốn.

- Nghiên cứu giảm thiểu chi phí thông qua các công cụ nợ, hình thức huy động vốn hiệu quả. Tái cơ cấu nợ bằng phương thức thay các khoản vay ngắn hạn lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn lãi suất hợp lý. Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương và khen thưởng cũng như chính sách phù hợp đối với người lao động nhằm tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp.

Hệ thống quản trị

- Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

- Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra nước ngoài, phát huy vai trò của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu trong mối quan hệ với các đối tác hiện có và tiếp cận khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mối thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

- Tăng cường cải tiến hệ thống quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Hiện tại cổ phiếu của công ty đã lưu ký trên sàn UPCoM và sẽ cân nhắc thời điểm thích hợp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

Nguồn nhân lực

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để đáp ứng cho việc thực hiện ngành kinh doanh chính trên cơ sở kế hoạch phát triển quy mô sản xuất và doanh thu.



- Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp và giảm chi phí gián tiếp.
- Nâng cao chất lượng lao động theo hướng chuyên môn hóa, đào tạo năng lực trình độ chuyên môn và quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Tăng cường xây dựng và đào tạo kỹ năng làm việc, tác phong công nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cho CBCNV; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Các mục tiêu phát triển đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo nên môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho Công ty, cộng đồng và xã hội.

6. Các rủi ro

Năm 2022, ngoài diễn biến về dịch bệnh Covid-19, lạm phát cũng đang là thách thức lớn và có nguy cơ kéo dài trong vài năm, đây có thể là khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành cơ khí nói riêng. Ngành cơ khí hiện vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và phục hồi khá chậm. Chính sách bảo hộ với ngành cơ khí còn nhiều yếu tố hạn chế, đối với các dự án lớn sự cạnh tranh khốc liệt giữa nhà thầu nước ngoài với nhà thầu trong nước. Do vậy các Doanh nghiệp vừa và nhỏ nói chung và tình hình SXKD của Công ty nói riêng ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

Việc rủi ro được nhận dạng và phân loại theo hai phương diện: khách quan và chủ quan.

❖ Rủi ro đối với lĩnh vực kinh doanh

Khách quan: Là những rủi ro xuất hiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

- Rủi ro từ chính sách,
- Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng.

Chủ quan: Là những rủi ro nảy sinh từ trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn;

- Rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành;
- Rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán;
- Rủi ro trong lĩnh vực đầu tư;
- Rủi ro trong đấu thầu;

- Rủi ro trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Rủi ro trong tổ chức thi công.

❖ **Đánh giá và ứng phó với các rủi ro**

Sự rủi ro có thể tồn tại song song với hoạt động SXKD của doanh nghiệp, vì vậy trong các trường hợp cụ thể trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro cân đối với lợi ích toàn diện về tài chính, cơ hội. Công ty có các phương án ứng phó rủi ro khác nhau:

- Chấp nhận rủi ro nếu thấy có thể kiểm soát.
- Giảm thiểu rủi ro nếu chưa có giải pháp kiểm soát toàn bộ.
- Chuyển/chia sẻ rủi ro nếu không muốn và/hoặc không thể chấp nhận toàn bộ.
- Né tránh rủi ro nếu không có giải pháp kiểm soát.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Thông tin ngành**

Theo báo cáo từ Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam (VASI), năm 2022 hoạt động sản xuất công nghiệp cả nước chịu ảnh hưởng của các yếu tố từ bên ngoài như: Sự phục hồi chậm và khó khăn của các đối tác thương mại lớn; Diễn biến căng thẳng Nga - Ukraine cũng như xu hướng thắt chặt tài khóa, tiền tệ gia tăng trước bối cảnh lạm phát đạt mức kỷ lục tại nhiều nước; Giá nhiều mặt hàng thế giới tiếp tục xu hướng tăng gây nhiều áp lực lên giá đầu vào sản xuất tại Việt Nam. Các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn do cầu của thị trường nước ngoài có xu hướng giảm; nhà nhập khẩu chậm thanh toán; lượng tồn kho tăng cao; dòng tiền của doanh nghiệp cạn kiệt sau 2 năm dịch bệnh gây trở ngại cho việc duy trì sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp có nhu cầu vốn lớn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối năm cũng như mua nguyên liệu chuẩn bị cho sản xuất năm 2023 nhưng gặp khó khăn khi vay vốn từ các tổ chức tín dụng với chi phí lãi vay tăng cao.

Thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, ngay từ đầu năm 2022, các doanh nghiệp đã chủ động, linh hoạt trong thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn, thách thức, phục hồi và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, từ tháng 02/2022 đến tháng 9/2022, sản xuất công nghiệp đã lấy đà tăng trưởng với Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành công nghiệp tám tháng liên tục tăng cao. Tuy nhiên, từ tháng 10/2022 sản xuất công nghiệp có xu hướng tăng chậm lại, IIP

toàn ngành công nghiệp ước quý IV/2022 chỉ tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2021. Đây là quý có tốc độ tăng thấp nhất trong 4 quý của năm 2022 và trong các quý IV từ năm 2012 đến nay.

Riêng đối với ngành gia công chế tạo cơ khí có sự phân hóa rõ rệt và mạnh mẽ, trong đó một số ít doanh nghiệp gia công chế tạo cơ khí, bằng các giải pháp của mình, đã linh hoạt trong sản xuất, sắp xếp lại bộ máy quản lý, ứng dụng kỹ thuật-công nghệ, vượt qua các khó khăn để tìm kiếm thêm nguồn nguyên liệu, cơ hội xuất khẩu, từ đó vẫn nhận được nhiều đơn hàng lớn. Trong bối cảnh thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và làn sóng chuyển dịch các nhà máy từ Trung Quốc sang các nước lân cận, trong đó có Việt Nam, cùng việc tích cực tham gia các hiệp định FTA đã tiếp tục tạo ra nhiều cơ hội lớn cũng như dư địa tiềm năng phát triển cho ngành cơ khí Việt Nam trong năm 2023 và những năm tiếp theo.

❖ **Kết quả sản xuất kinh doanh riêng lẻ so với kế hoạch**

Kết quả sản xuất kinh doanh riêng lẻ so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2022	TH năm 2022	TH năm 2022/KH năm 2022 (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	2,600.00	2,621.44	100.82%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	76.00	45.26	59.55%

Mặc dù có những khó khăn chung trên thị trường kinh tế Việt Nam, năm 2022 doanh thu công ty mẹ vẫn tăng trưởng và vượt 0,82% so với kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 59,55% so với kế hoạch.

❖ Kết quả kinh doanh

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã kiểm toán

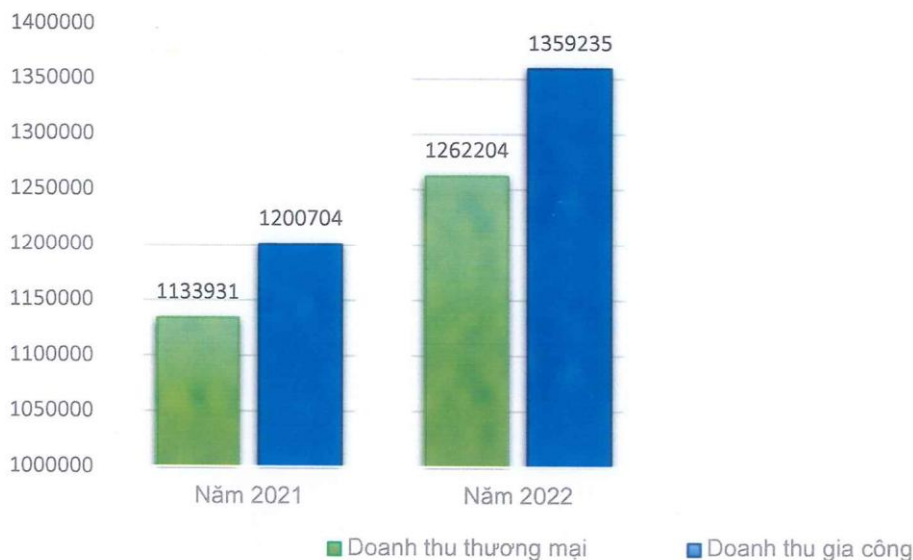
Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,621,440,531,923	2,677,987,829,210	97.89%
Giá vốn hàng bán	2,409,684,635,675	2,480,951,417,936	97.13%
Lợi nhuận trước thuế	57,297,337,590	50,611,649,523	113.21%
Lợi nhuận sau thuế	45,493,031,926	39,727,195,075	114.51%

Doanh thu hợp nhất năm 2022 chỉ đạt 97,89% so với năm 2021, tuy nhiên trong năm 2021, doanh thu hợp nhất 9 tháng đầu năm vẫn ghi nhận tổng doanh thu của công ty mẹ và 3 công ty con, do đó nếu so sánh tỷ trọng doanh thu của công ty mẹ trong tổng doanh thu hợp nhất giữa năm 2022 và năm 2021 sẽ thấy sự tăng trưởng vượt bậc của công ty mẹ. Năm 2022, doanh thu của công ty mẹ đạt 2.621.440.531.923 đồng, tăng 12,28% so với năm 2021 là 2.334.636.308.949 đồng.

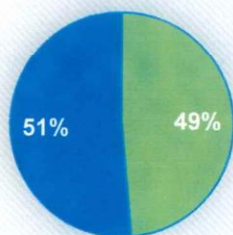
Trong năm 2022 doanh thu giảm 2,11% so với năm 2021, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2022 đều tăng lần lượt là 13,21% và 14,51% so với năm 2021. Doanh thu 2022 giảm nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng, đã cho thấy kết quả của sự nỗ lực nâng cao công tác quản lý chi phí, tối ưu hoá lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh, tạo sự an tâm cho Ban điều hành và nhà đầu tư.

❖ Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Doanh thu năm 2021 - 2022 (Trở)

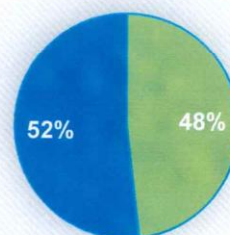


Năm 2021



■ Doanh thu thương mại
■ Doanh thu gia công chế tạo

Năm 2022



■ Doanh thu thương mại
■ Doanh thu gia công chế tạo

Trong năm 2022, doanh thu từ gia công chế tạo, lắp đặt đạt 1.359,23 tỷ, chiếm tỷ trọng 51,85% trong tổng doanh thu, tăng 0,63% so với năm 2021 (51,22%). Doanh thu nhượng bán vật tư năm 2022 chiếm tỷ trọng 48,15% trong tổng doanh thu, giảm 0,63% so với năm 2021. Như vậy, năm 2022, Ban điều hành đã từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu doanh thu từ nhượng bán vật tư sang gia công chế tạo lắp đặt để hướng tới phát triển ổn định và vững mạnh.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Thọ - Tổng giám đốc Công ty (thông tin đã nêu trên)

Ông Lê Minh Tuấn – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	28/02/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0.28%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	26/01/1981
Nơi sinh	Xóm Làng Phan, Xã Linh Sơn, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,90%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Hữu Phong – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	01/01/1964
Nơi sinh	Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0.74%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

❖ Nhân sự và chính sách nhân sự

- Số lượng: 850 lao động
- Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng
I Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	220	25,88%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	33	3,88%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	210	24,71%
4	Lao động phổ thông	387	45,53%
II Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	613	72,12%
2	Lao động gián tiếp	237	27,88%

III Theo giới tính			
1	Nam	733	86,24%
2	Nữ	117	13,76%
IV Theo thời hạn HĐLĐ			
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	436	51,29%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	262	30,82%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	152	17,88%
V Theo cấp quản lý			
1	Quản lý cấp cao	7	0,82%
2	Quản lý cấp trung	20	2,35%
3	Quản lý cấp chi nhánh	7	0,82%
4	Chuyên viên, nhân viên	816	96,00%
VI Theo độ tuổi			
1	Từ 18 đến 25 tuổi	129	15,18%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	234	27,53%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	277	32,59%
4	Trên 45	210	24,71%
Tổng số lao động		850	100

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- **Về tiền lương:** Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo tính chất và hiệu quả công việc mức lương bình quân thu nhập **trên 14,8 triệu đồng/1 người/1 tháng** Đối với công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với CBCNV gián tiếp, nghiệp vụ chuyên môn hưởng lương theo mức quy định chức danh và hệ số hàng tháng.

Hệ số căn cứ vào công việc, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Hiện tại, Công ty đang tiến hành xây dựng hình thức trả lương theo nguyên tắc 3P, xây dựng KPI cho từng cá nhân, nhằm đảm bảo công bằng và hợp lý để khuyến khích người lao động phấn đấu và hăng say trong công tác.

- **Công tác đào tạo:** Trong năm 2022, tổng cộng có 19 khóa đào tạo nội bộ và 8 khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 6 khóa là đào tạo sử dụng phần mềm và kỹ thuật chuyên ngành cho trung tâm tư vấn thiết kế và 21 khóa cho phòng hành chính nhân sự, phòng công nghệ, phòng quản lý chất lượng, phòng an toàn và quản lý máy và phòng tài chính kế toán.

+ Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp tập huấn về quản trị công ty, quản trị nhân sự, tài chính và quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng phần mềm quản lý trong quá trình SXKD.

+ Hàng năm công ty thường xuyên mở các khóa tập huấn về chuyên môn, đào tạo tại chỗ cho các công nhân lành nghề được cấp chứng chỉ như: Chứng chỉ 3G, 4G, 6G...Thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Mở lớp đào tạo ngoại ngữ cho CBCNV.

- **Về chính sách khen thưởng:** Để khuyến khích người lao động, hàng năm Công ty tổ chức phong trào thi đua khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoàn thành tốt nhiệm vụ, bên cạnh đó Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của công ty.

- **Công tác đời sống, quyền lợi đối với người lao động:** Công ty luôn quan tâm đảm bảo việc làm cho người lao động làm việc và thu nhập tương xứng với kết quả lao động, trả lương kịp thời và hỗ trợ 100% chi phí ăn trưa, ăn tối phục vụ CBCNV đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức cho người lao động đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khó khăn kịp thời và đúng đối tượng cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Công ty phát động gây dựng Quỹ tình thương, đảm bảo kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng theo quy chế mà Công ty đã quy định.

- **Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước như:** Chế độ BHXH, BHYT cho 100% người lao động được hưởng chế độ, mua bảo hiểm thân thể, hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động và khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

❖ Tình hình thực hiện đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án:	Xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị đồng bộ
2	Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư phát triển kinh doanh
4	Mục tiêu đầu tư	Tăng công xuất gia công chế tạo
5	Quy mô dự án	Nhóm B
6	Địa điểm thực hiện dự án	Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC
7	Tổng mức đầu tư dự án	185 tỷ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	15 tháng

❖ **Tình hình thực hiện các dự án**

- Dự án lọc hóa dầu Sarawak (Malaysia) với Khách hàng Samsung Engineering - (Hàn Quốc)

Hợp đồng Dự án tổ hợp lọc hóa dầu Sarawak (Malaysia) được ký với khách hàng Samsung Engineering Co Ltd (SECL) vào ngày 31.5.2021, cung cấp dịch vụ thiết kế chi tiết, mua sắm, giá công chế tạo và tổ hợp gần 5.600 tấn thiết bị, kết cấu thép, đường ống, ... thành 13 Module trọn bộ và hạ thủy thành công toàn bộ 13 module của Dự án, đánh dấu sự thành công vượt bậc của AMECC trong xu thế module hóa các dự án nhà máy công nghiệp trên thế giới.

- Các dự án với Khách hàng lớn truyền thống BHI và HDEC (Hàn Quốc)

Ký kết và thực hiện 06 hợp đồng gia công chế tạo với khách hàng lớn truyền thống BHI/HDEC với tổng giá trị lên tới 1.196,902 tỷ VNĐ (chưa bao gồm VAT), trong đó:

+ Triển khai trong năm 2022 là 02 hợp đồng với giá trị 180,462 tỷ với BHI và

+ 04 hợp đồng còn lại với BHI/HDEC tiếp tục triển khai trong năm 2023.

- Các dự án với Khách hàng lớn Vogt Power International-VPI (Mỹ)

Tiếp theo hợp đồng đầu tiên ký trong năm 2021, trong năm 2022 đã ký kết và thực hiện 04 hợp đồng gia công chế tạo với khách hàng lớn VOGT với tổng giá trị 184,617 tỷ VNĐ (chưa bao gồm VAT).

- Các dự án với Khách hàng lớn Misubishi Heavy Industry-MHI (Nhật Bản)

Tiếp theo hợp đồng đầu tiên ký trong năm 2021, trong năm 2022 đã ký kết và thực hiện 05 hợp đồng gia công chế tạo với khách hàng lớn MHI với tổng giá trị 83,639 tỷ VNĐ (chưa bao gồm VAT).

Các dự án với Khách hàng mới và lớn ESINDUS (Tây Ban Nha)

Thành công tiếp cận khách hàng mới ESINDUS với tổng giá trị của 7 hợp đồng đã ký trong năm 2022 là 239,549 tỷ VNĐ (chưa bao gồm VAT), thực hiện trong năm 2022 và 2023.

Ngoài ra, trong năm 2022, AMECC cũng đã thành công trong việc tiếp cận và nhận được các hợp đồng đầu tiên khác từ nhiều khách hàng mới có uy tín trên thế giới như TNT, BHP, ...

4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2022

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
A Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1 Hệ số thanh toán ngắn hạn				
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,02	1,02	
2 Hệ số thanh toán nhanh				
Tài sản NH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,52	0,45	
B Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1 Hệ số nợ/tổng tài sản (TD/TA)	%	81.66%	78.41%	
2 Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (D/E)	Lần	4,45	3,63	
C Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1 Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,70	2,81	
2 Kỳ luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	133	120	
3 Vòng quay tổng tài sản	%	105,69%	123,62%	
D Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1 Hệ số Lợi nhuận/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,74%	1,48%	
2 Hệ số Lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	1,63%	1,83%	
3 Hệ số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,88%	8,49%	



Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Doanh nghiệp duy trì ở mức 1,02 lần. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,45 lần lên 0,52 lần, chứng tỏ tài sản ngắn hạn của công ty đủ để đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán cho thấy tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2022 là an toàn và đảm bảo khả năng thanh toán trong kỳ.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng và tăng so với năm 2021. Chỉ số này phản ánh tình hình vay nợ để đầu tư máy móc thiết bị và tích trữ hàng tồn kho phục vụ mở rộng sản xuất theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua, hứa hẹn sẽ tăng trưởng lớn trong năm 2023.

Hệ số năng lực hoạt động

Hệ số Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 2,81 xuống còn 2,70 tương ứng với kỳ luân chuyển hàng tồn kho là 133 ngày. Nguyên nhân là do hàng tồn kho tăng 19,33% trong khi giá vốn hàng bán lại giảm 2,86%. Việc giá vốn hàng bán giảm trong khi hàng tồn kho tăng đã khiến cho hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ và hứa hẹn sẽ tăng trở lại trong năm 2023 khi công ty tiếp tục quản lý chi phí tốt và khâu sản xuất giao hàng đúng tiến độ.

Hệ số Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ 15% cho thấy việc đầu tư thêm tài sản phục vụ sản xuất đã phát huy tác dụng, doanh thu tuy chưa tăng nhưng hiệu quả sử dụng tài sản không giảm nhiều. Năm 2023, khi sản xuất ổn định hệ số này chắc chắn sẽ được cải thiện nhiều so với năm 2022.

Hệ số khả năng sinh lời

Hai chỉ số quan trọng là ROS và ROE đều tăng trong năm 2022, trong khi chỉ số ROA giảm nhẹ do đầu tư lớn trong năm. Điều quan trọng hơn là cơ cấu doanh thu đã thay đổi theo hướng mà Ban điều hành đã đề ra, đó là tăng trưởng doanh thu gia công chế tạo lắp đặt, vì thế tuy doanh thu trong năm 2022 giảm do đã thoái vốn ở hai công ty con là AMECC Weisheng và AMECC Miền Nam nhưng lợi nhuận lại tăng tới 14,51% so với năm 2021. Điều này một lần nữa khẳng định hướng đi đúng đắn mà Ban điều hành đã đề ra.

5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

❖ Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã phát hành **36.629.865** cổ phiếu. Trong đó:

Số cổ phần phổ thông: 36.629.865 cổ phiếu

Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số cổ phần đang lưu hành: 36.629.865 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu

❖ Cơ cấu cổ đông

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/10/2022

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	2143	25.181.599	68,75%
1	Cổ đông tổ chức	01	01	0%
2	Cổ đông cá nhân	2142	25.181.598	68,75%
II	Cổ đông nước ngoài	10	11.448.266	31,25%
1	Cổ đông tổ chức	02	11.414.466	31,16%
2	Cổ đông cá nhân	08	33.800	0,09%
	Tổng cộng	2153	36.629.865	100,00%

AMS không có cổ đông nhà nước.

❖ Danh sách cổ đông lớn

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/10/2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Nguyễn Văn Nghĩa	4.510.000	12,31%
2	Nguyễn Văn Thọ	5.122.479	13,98%
3	SANKYU INC.	11.000.000	30,03%
	Tổng	20.632.479	56,32%

❖ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- **Lịch sử tăng vốn**

- Tăng vốn lần 1 (10/2010): Từ 50 lên 60 tỷ đồng
Tăng vốn lần 2 (09/2012): Từ 60 lên 70 tỷ đồng
Tăng vốn lần 3 (10/2015): Từ 70 lên 120 tỷ đồng
Tăng vốn lần 4 (11/2016): Từ 120 lên 150 tỷ đồng
Tăng vốn lần 5 (04/2018): Từ 150 lên 200 tỷ đồng
Tăng vốn lần 6 (12/2018): Từ 200 lên 300 tỷ đồng
Tăng vốn lần 7 (12/2019): Từ 300 lên 333 tỷ đồng
Tăng vốn lần 8 (12/2020): Từ 333 lên 366.298.650.000 đồng.

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**

- **Kế hoạch tăng vốn trong năm 2023**

Tháng 11/2022, Công ty tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường 2022 đề xuất thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Phương án chào bán cổ phiếu Riêng lẻ và Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, dự kiến nâng tổng giá trị vốn điều lệ lên 600.000.000.000 đồng.

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022

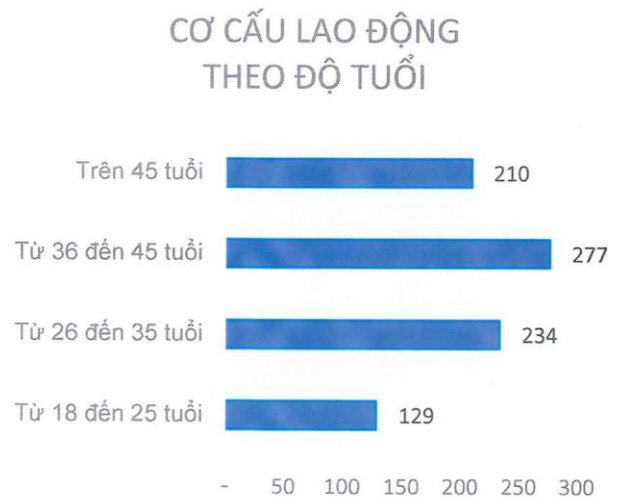
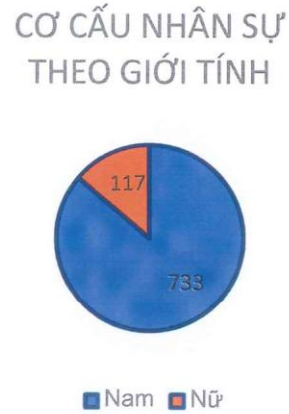
❖ **Tình hình tăng vốn chủ sở hữu: Không**

❖ **Đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị**

Trong năm 2022 và một phần cho kế hoạch năm 2022, tổng mức đầu tư của Công ty là 131.618.504.412 đồng, trong đó:

- Đầu tư mua sắm tài sản cố định: 56.924.743.790 đồng,
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 74.693.760.622 đồng.
- Phần xây dựng nhà xưởng khu 5.5ha tiếp tục được triển khai và dự kiến hoàn thành năm 2023.

❖ Nhân sự



Do đặc thù của ngành cơ khí, lực lượng lao động chủ yếu có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật, lao động trực tiếp và giới tính nam chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhân lực. Công ty luôn hướng đến một môi trường vì người lao động, ngày càng tập trung vào khâu đào tạo, tuyển dụng nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng lao động, gia tăng bình đẳng giới của doanh nghiệp.

Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển không ngừng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên là một trong những thế mạnh đưa doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, công tác đào tạo ở Amecc chưa theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong năm 2022, tổng cộng có 19 khóa đào tạo nội bộ và 8 khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 6 khóa là đào tạo sử dụng phần mềm và kỹ thuật chuyên ngành cho trung tâm tư vấn thiết kế và 21 khóa cho phòng hành chính nhân sự, phòng công nghệ, phòng quản lý chất lượng, phòng an toàn và quản lý máy và phòng tài chính kế toán. Công ty đã triển khai ứng dụng phần mềm BASE vào vận hành, các hệ thống quản lý và quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều bất cập, cần tiếp tục phải được nâng cấp và tối ưu hóa trong năm 2023.

Ngoài ra, xét về cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, các phòng ban còn nhiều vị trí cần bổ sung. Doanh nghiệp hiện tại vẫn đang tìm kiếm xây dựng đội ngũ những cán bộ kế cận cho các vị trí chủ chốt.

❖ **Thực trạng đầu tư kinh doanh tại Myanmar**

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyard. Số vốn đã thực tế góp là 6.809.900 USD tương đương với 155.423.944.405 đồng trên tổng số vốn phải góp theo dự kiến là 26.310.000USD tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 15%. Thời hạn góp vốn theo chấp thuận là đến 22/6/2021. Việc tiếp tục thực hiện đầu tư đang dừng lại do chưa được Chính phủ Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài, do đó những thoả thuận ban đầu trong Bản cam kết giữa các bên góp vốn đều chưa thực hiện được.

Năm 2021, khoản đầu tư này được tiến hành chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa – Chủ tịch HĐQT Công ty. Giá trị thanh toán ban đầu là bù trừ với tiền Công ty vay ông Nghĩa.

Đối với công ty TNHH AMECC Myanmar, do dịch bệnh và bất ổn chính trị, Công ty TNHH Amecc Myanmar tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ cuối 6 tháng đầu năm 2021 đến hết năm 2022, hiện tại bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2022 (Tỷ đồng)	Năm 2021 (Tỷ đồng)	Tăng giảm (%)
1	Giá trị sản lượng	3,036.53	3,024.80	100.38%
2	Doanh thu	2,621.44	2,677.99	97.89%
3	Lợi nhuận sau thuế	45.49	39.73	114.50%
4	Thuế TNDN phải nộp	11.81	10.78	109.55%
5	Tổng Tài sản	2,794.30	2,166.25	128.99%
6	Vốn chủ sở hữu	512.35	467.72	109.54%

Trong năm 2022, nền kinh tế toàn cầu đang dần hồi phục sau đại dịch và chiến tranh, AMECC cũng đã nỗ lực tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế, doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt 2.621,44 tỷ, trong đó 100% đến từ công ty mẹ là Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC, trong khi năm 2021 công ty mẹ chỉ đạt mức doanh thu 2.334,64 tỷ trong 2.677,99 tỷ theo báo cáo hợp nhất. Cùng với sự tăng trưởng doanh thu là sự tăng trưởng về lợi nhuận sau thuế (14,51%) và số thuế TNDN phải nộp ngân sách là 11,81 tỷ đồng.

Để phục vụ việc phát triển công tác sản xuất kinh doanh, tổng tài sản của công ty cũng đã tăng 28,99% từ 2.166,25 tỷ lên 2.794,3 tỷ, chủ yếu do đầu tư tài sản và tích trữ hàng tồn kho nhằm chủ động trong sản xuất, tránh ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan đến các đơn hàng đã ký trong năm 2022. Bên cạnh đó vốn chủ sở hữu cũng tăng 9,54% tương ứng với mức gia tăng của lợi nhuận.

3. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài sản

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022

Chỉ tiêu	2022		2021		Tăng giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản NH	1.969.901.696.306	70,50%	1.460.461.492.864	67,42%	134,88%
B. Tài sản DH	824.396.275.423	29,50%	705.791.742.821	32,58%	116,80%
Tổng tài sản	2.794.297.971.729	100%	2.166.253.235.685	100%	128,99%

Năm 2022, cả tài sản dài hạn và ngắn hạn đều tăng lần lượt là 34,88% và 16,80%. Do trong năm qua, Công ty đầu tư mạnh mẽ máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng 5,5ha, cộng thêm hàng tồn kho tăng để đáp ứng tình hình sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ của Công ty dẫn đến công nợ các khoản phải trả nhà cung cấp và phải thu khách hàng cũng tăng mạnh.

❖ **Tình hình nợ phải trả**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022

Chi tiêu	2022		2021		Tăng giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ NH	1.938.189.003.585	84,94%	1.432.464.016.197	84,34%	135,30%
B. Nợ DH	343.757.346.139	15,06%	266.066.760.717	15,66%	129,20%
Tổng Nợ phải trả	2.281.946.349.724	100%	1.698.530.776.914	100%	134,35%

Năm 2022, nợ ngắn hạn của công ty đã tăng 35,30%, chủ yếu là do các khoản mục Phải trả ngắn hạn khác tăng gần 5 lần, từ 71,98 tỷ lên 352,81 tỷ. Ngoài ra các khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn và Người mua trả tiền trước ngắn hạn cũng đều tăng theo tốc độ tăng trưởng của doanh thu. Việc tăng các khoản nợ ngắn hạn nhằm phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh có doanh thu tăng ấn tượng trong năm của doanh nghiệp.

Nợ dài hạn năm 2022 cũng tăng 29,2% so với năm 2021, từ 266,06 tỷ lên 343,76 tỷ, nguyên nhân lớn nhất từ các khoản Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tài trợ cho Dự án ĐTXD nhà xưởng 5,5ha trong Tổ hợp sản xuất AMECC – Samsung nhằm mở rộng mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Nhằm thích ứng với những khó khăn do hậu quả của đại dịch Covid cũng như xung đột địa chính trị ở Châu Âu, AMECC đã tiến hành tái cơ cấu bộ máy điều hành doanh nghiệp, đầu tư MMTB và ứng dụng mạnh mẽ KHCN vào sản xuất và quản lý, bước đầu đã có tín hiệu tích cực.

Nhiều chính sách qui định về khoán, kiểm soát và tối thiểu hóa về chi phí, đã và đang được nghiên cứu áp dụng, nhằm tăng công suất, năng suất lao động cũng như giảm thiểu các tác động do ngoại cảnh mang lại.

Để đảm bảo phát triển tăng trưởng ổn định và bền vững, công ty tiếp tục chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm cả đào tạo nội bộ và đào tạo nâng cao, thử nghiệm luân chuyển cũng như qui hoạch cán bộ cho các vị trí chủ chốt, chủ động ứng biến với thay đổi của thị trường cũng như nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

5. Phương hướng phát triển

Dự báo năm 2023 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của công ty trong năm 2022, AMECC định hướng kế hoạch SXKD như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
	Doanh thu	Tỷ đồng	2.800
1	Gia công chế tạo	Tỷ đồng	1.650
2	Công trình tại công trường	Tỷ đồng	150
3	Thương mại	Tỷ đồng	1.000

Kế hoạch doanh thu gia công chế tạo 1,650 tỷ đồng đề cập ở trên là dựa trên cơ sở các hợp đồng đã ký trong năm 2022 nhưng mới thực hiện một phần hoặc chưa thực hiện chuyển sang 2023 cũng như mục tiêu tìm kiếm thêm 950 tỷ đồng từ các dự án sẽ ký trong năm 2023.

Theo mục tiêu kế hoạch doanh thu, mức lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2023 sẽ là 56 tỷ đồng, do việc cắt giảm tối ưu hóa chi phí vận hành-sản xuất và giảm chi phí lãi vay do tăng vốn điều lệ.

Để đạt được các mục tiêu nói trên, doanh nghiệp tiếp tục triển khai các giải pháp như sau:

❖ **Đẩy mạnh phát triển doanh thu**

- Chuẩn bị tốt và tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh từ việc dịch chuyển chuỗi cung ứng gia công chế tạo từ Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, ... về Việt Nam.
- Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để đáp ứng các hợp đồng đã ký.
- Mạnh dạn mở rộng dải sản phẩm gia công chế tạo, để gia tăng lượng khách hàng đến với AMECC qua đó lựa chọn được thêm các sản phẩm/khách hàng tốt tạo doanh thu ổn định lâu dài, như các hợp đồng module, skid thiết bị,
- Tiếp cận các dự án năng lượng sạch và công nghiệp, hạ tầng mà AMECC có lợi thế.

❖ **Tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận**

- Mục tiêu trong năm 2023, AMECC tiếp tục mở rộng hệ thống đối tác kinh doanh dài hạn, đàm phán các cơ chế hài hòa lợi ích các bên nhằm tối ưu hóa chi phí so với năm 2022.

- Chuyên sâu các giải pháp tài chính, khai thác linh hoạt các công cụ và dịch vụ tài chính đang có trên thị trường, nhằm mục tiêu giảm thiểu và tối ưu hóa chi phí vốn, hướng tới giảm chi phí lãi vay bình quân năm 2023 xuống còn 9% (năm 2022 đang thực hiện là 10,5%).

❖ **Đào tạo nguồn nhân lực**

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ
- Xây dựng hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống KPI của doanh nghiệp.

Kiến toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng – Người làm – Người kiểm tra giám sát, xây dựng qui hoạch hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp.

❖ **Đầu tư MMTB và áp dụng KHCN**

- Đầu tư trang thiết bị máy móc công nghệ hiện đại, tăng công suất và năng suất các công đoạn trong dây chuyền sản xuất.
- Đầu tư phát triển và tự chủ nhiều sản phẩm, bán thành phẩm cơ khí chính xác, mà trước đây AMECC phải thuê gia công ngoài hoặc phải mua sắm.
- Đầu tư phát triển Ban Kỹ thuật Công nghệ, đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu để nghiên cứu các giải pháp công nghệ, biện pháp thi công tối ưu, nhằm tăng năng suất lao động và giảm chi phí cũng như thời gian.

❖ **Tái cơ cấu tổ chức cho các công ty con do chính sách thuế của chính phủ thay đổi**

Theo nghị định 132/2020/NĐ-CP ban hành ngày 5/11/2020 của Chính phủ, tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế.

Hiện tại Amecc đang có giao dịch với các công ty con bao gồm:

- Công ty TNHH Amecc Myanmar (100%)
- Công ty cổ phần thương mại Amecc Weisheng (23,50%)
- Công ty cổ phần Amecc GT (Công ty CP Mạ kẽm Amecc) (11,53%)
- Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam (18,84%)

Để tối ưu hóa thuế phải nộp của doanh nghiệp, trong năm 2022, công ty sẽ yêu cầu tư vấn tái cấu trúc lại mô hình các công ty con và công ty liên kết.

❖ **Bổ sung vốn lưu động**

Doanh thu mục tiêu năm 2023 của công ty AMECC là 2.800 tỷ đồng với mức lợi nhuận mục tiêu là 10% cho các hợp đồng gia công chế tạo và 3% cho các hợp đồng thương mại. Do đó, dự kiến chi phí trong năm sẽ như sau:

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu (tỷ đồng)	Chi phí dự kiến (tỷ đồng)
Tổng	2.800,0	2.590,0
Gia công chế tạo	1.800,0	1.620,0
Thương mại	1.000,0	970,0

Đối với các hợp đồng hiện tại AMECC đang ký, mức tạm ứng của khách hàng sẽ là 10% giá trị hợp đồng. Theo các thỏa thuận với ngân hàng đối tác, ngân hàng sẽ tạm ứng tới 70% giá trị hợp đồng trừ đi tạm ứng (tương đương tầm 60% giá trị hợp đồng). Theo đó, nhu cầu vốn tự có của doanh nghiệp sẽ là:

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu	Chi phí dự kiến	Tổng tài trợ ngân hàng	Khách hàng tạm ứng	Nhu cầu vốn tự có cả năm
Tổng	2.800,0	2.590,0	1.680,0	280,0	630,0
Gia công chế tạo	1.800,0	1.620,0	1.080,0	180,0	360,0
Thương mại	1.000,0	970,0	600,0	100,0	270,0

Chu kỳ kinh doanh hiện tại của AMECC là khoảng 2,75 vòng 1 năm, ước tính là chu kỳ kinh doanh thương mại là 3.5 vòng và chu kỳ kinh doanh cho mảng gia công chế tạo là 2,0 vòng. Như vậy, nhu cầu vốn lưu động theo thời điểm của doanh nghiệp sẽ là:

Đơn vị: tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu	Chi phí dự kiến	Chu kỳ kinh doanh (vòng)	Ngân hàng tài trợ	Nhu cầu vốn tự có
Tổng	2.800,0	2.590,0		681,43	257,14
Gia công chế tạo	1.800,0	1.620,0	2,0	540,00	180,0
Thương mại	1.000,0	970,0	3,5	171,43	77,14

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt, cùng sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ của Quý cổ đông, năm 2022, Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu đã đề ra, tiếp tục khẳng định uy tín của AMECC và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2023.

Dưới đây là một số các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2022 của công ty mẹ:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh
	Doanh thu	2.600	2.621,44	100,82%
1	Gia công chế tạo	1.750	1.359.24	77,67%
2.	Thương mại	850	1.262,20	148,5%

So với kế hoạch đề ra của năm 2021, doanh thu năm 2022 đã tăng 0,82%, số liệu này cho thấy năm 2022 công ty mẹ đã đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm trước, tuy nhiên sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu chưa đạt như mong đợi, nhưng cũng là bước tiến triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh giữa thời kỳ nhiều biến động về dịch bệnh, lạm phát.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản trị Công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng giám đốc. HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp về triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các cuộc họp liên quan đến bổ nhiệm nhân sự. Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 02 buổi họp ĐHĐCĐ và 16 buổi họp Hội đồng quản trị.

❖ Kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2022

Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2022, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trong bối cảnh khó khăn từ hậu quả của đại dịch bệnh Covid-19 cũng như xung đột địa chính trị ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, Ban Tổng Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các giải pháp, biện pháp chủ động ứng biến và thích nghi với tình hình thực tế.

❖ Kết luận

Như vậy, Ban Tổng giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ và chấp hành các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh

ng nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và các cán bộ công nhân viên của Công ty

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

❖ Định hướng trung và dài hạn

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế
- Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng dịch vụ, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2023.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô công ty, kinh doanh phát triển bền vững.
- Đối với các vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự của Công ty.

❖ Chi tiêu kế hoạch năm sau của Công ty CP Cơ khí xây dựng AMECC

STT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	3.080
2	Giá trị Doanh thu	Tỷ đồng	2.800
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56
4	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	19
5	Tổng số lao động bình quân	Người	1.100
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	150
7	Chi trả cổ tức (%VĐL)	%	10%

❖ Phương hướng thực hiện

- Đẩy mạnh phát triển doanh thu
- Tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận
- Đào tạo nhân sự
- Tái cơ cấu tổ chức cho các công ty con do chính sách thuế của chính phủ thay đổi
- Bổ sung vốn lưu động.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề về tài chính, bán cổ phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần MECTA.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 02 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (5/2022), ĐHĐCĐ bất thường (11/2022) và 16 cuộc họp HĐQT.

❖ Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	4.510.000	12,31%
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT Tổng giám đốc	5.122.479	13,98%
3	Ông Kikugawa Tetsuya	TV HĐQT	0	0
4	Ông Inoue Yuji	TV HĐQT	0	0
5	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	550.000	1,50%
6	Ông Đinh Ngọc Thắng	TV HĐQT	560.000	1,53%
7	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT	103.620	0,28%

❖ Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	16	100%

Báo cáo thường niên AMS 2022

2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT, Tổng giám đốc	16	100%
3	Ông Kikugawa	TV HĐQT	16	100%
4	Ông Miyota Yukio	TV HĐQT	11 miễn nhiệm từ ngày 16/11/2022	68.75%
5	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	16	100%
6	Ông Đinh Ngọc Thắng	TV HĐQT	16	100%
7	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT	16	100%
8	Ông Inoue Yuji	TV HĐQT	05 Bỏ nhiệm kể từ ngày 16/11/2022 thay cho Ông Miyota Yukio	31.25%

❖ Đánh giá của HĐQT trong năm 2022

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên cũng như ĐHĐCĐ bất thường của năm 2022 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ.

HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo và kế hoạch tăng vốn điều lệ. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện

❖ Các nghị quyết của HĐQT

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1.	01/2022/QĐ-HĐQT- AMECC	25/03/2022	Xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
2.	02/2022/NQ-HĐQT- AMECC	29/03/2022	Đề xuất thông qua kế hoạch Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
3.	03/2022/NQ-HĐQT- AMECC	28/04/2022	Thay đổi thời gian dự kiến tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.	100%
4.	04/2022/NQ-HĐQT- AMECC	09/05/2022	Hiệu chỉnh nội dung chương trình và các tài liệu phục vụ cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
5.	05/2022/NQ-HĐQT- AMECC	20/05/2022	Đề cử ứng viên tham gia bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát tại ĐGĐCĐ thường niên 2022	100%
6.	06/2022NQ-HĐQT- AMECC	08/06/2022	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027	100%
7.	07/2022/NQ-HĐQT- AMECC	27/09/2022	Kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
8.	08/2022/NQ-HĐQT- AMECC	25/10/2022	Thống nhất hiệu chỉnh nội dung chương trình và các tài liệu phục vụ cho cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường 2022	100%
9.	09/2022/NQ-HĐQT- AMECC	01/11/2022	Bỏ nhiệm Kế toán trưởng	100%
10.	10/2022/NQ-HĐQT- AMECC	07/11/2022	Thay đổi nội dung Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm	100%

Báo cáo thường niên AMS 2022

			2022 và Đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027	
11.	11/2022/NQ-HĐQT-AMECC	11/11/2022	Bổ sung nội dung cho Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2022	100%
12.	12/2022/NQ-HĐQT-AMECC	17/11/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành; Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; Thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện.	100%
13.	13/2022/NQ-HĐQT-AMECC	17/11/2022	Thông qua triển khai chi tiết Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
14.	14/2022/NQ-HĐQT-AMECC	17/11/2022	Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022	100%
15.	15/2022/NQ-HĐQT-AMECC	28/11/2022	Thông qua nội dung đăng ký thực hiện dự án và triển khai góp vốn đầu tư dự án: Trung tâm Module toàn cầu	100%
16.	16/2022/NQ-HĐQT-AMECC	16/12/2022	Thông qua thứ tự thực hiện các Phương án chào bán/Phát hành tăng vốn điều lệ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ-AMECC ngày 16/11/2022; Điều chỉnh phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 13/2022/NQ-HĐQT-AMECC ngày 17/11/2022.	100%

2. Ban kiểm soát

❖ Thành viên BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng BKS	0	0
2	Ông Fujiwara Norimasa	TV BKS	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Ngọc	TV BKS	0	0

❖ Đánh giá hoạt động của BKS năm 2022

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện vai trò giám sát đối với các hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý

Ban Giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2022. Ban Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2022 Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu nhập các thông tin theo yêu cầu.

3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý được hưởng thù lao theo quy định của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Stt	Họ và tên		Chức danh	Thu nhập (VNĐ)
1	Ông	Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Ông	Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	928.244.499
6	Ông	Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	84.000.000
7	Ông	Đình Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	84.000.000
8	Ông	Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT; Phó TGD	829.346.153
9	Ông	Nguyễn Hữu Phong	Trưởng BKS (Từ 01/01/2022 đến 30/05/2022) Kế toán trưởng (Từ 01/11/2022 đến 31/12/2022)	410.257.963
10	Bà	Phạm Minh Hiếu	Trưởng BKS (Từ 30/05/2022 đến 31/12/2022)	274.230.770
14	Ông	Nguyễn Văn Dũng	Phó TGD	735.614.040

❖ **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ đăng ký trong năm 2022**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu đăng ký giao dịch đến hết tháng 12/2022		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu dự kiến tăng sau giao dịch	Tỷ lệ dự kiến thay đổi	
1	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT, TGD công ty	5.122.479	13,98%	5.202.479	15,12%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2022 diễn ra ngày 16/11/2022
2	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, Phó TGD công ty	103.620	0,28%	143.620	0,42%	
3	Ông Nguyễn Hữu Phong	Kế toán trưởng	270.050	0.74%	275.050	0,79%	
4	Bà Đinh Phương Thảo	Người công bố thông tin	500		1.500		

❖ **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không

4. Tăng cường quản trị công ty

❖ **Tuân thủ quy định về quản trị công ty**

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ điện năng

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Khối sản xuất	5.828.560.836	6.634.176.953
Khối văn phòng	462.3710.897	421.944.924

2. Tiêu thụ nước

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Khối sản xuất	160.107.622	955.201.954
Khối văn phòng	129.323.769	128.885.625

3. Chính sách với người lao động:

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động là: 850 người

Mức lương bình quân: 14.8 tr/người/tháng

❖ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài các chế độ chính sách quy định của Nhà nước, Công ty xây dựng các nội quy, quy chế thực hiện tốt mọi chế độ cho người lao động, nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động như: Quy chế trả lương, thưởng, thăm hỏi ốm đau; Chế độ lao động độc hại, thời gian làm việc, cơ sở và điều kiện làm việc; công tác ATLĐ và vệ sinh công nghiệp...

❖ Hoạt động đào tạo người lao động

Tăng cường hướng dẫn, đào tạo tại chỗ hoặc đào tạo ngắn hạn đội ngũ quản lý, kỹ sư kỹ thuật, các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; công nhân lành nghề đáp ứng các yêu cầu sản xuất hiện tại cũng như định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo. Tạo điều kiện cho CBCNV đi thăm quan các cơ sở trong và ngoài nước về mô hình SXKD; đào tạo ngắn hạn cho các kỹ sư về quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng các phần mềm trong quá trình SXKD của công ty.

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ

- Đầu tư phát triển phòng công nghệ để nghiên cứu các giải pháp công nghệ cao nhằm tăng năng suất lao động
- Xây dựng hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống KPI của doanh nghiệp.
- Kiện toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng - Người làm - Người kiểm tra giám sát, xây dựng hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp.

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11-38

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

0200786983, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần thứ 20 ngày 27/02/2023

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	
Ông Yukio Miyota	Thành viên	Trước ngày 16/11/2022
Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Inoue Yuji	Thành viên	Từ ngày 16/11/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Phong	Kế toán trưởng	Từ ngày 01/11/2022
Bà Nguyễn Hải Yến	TP Tài chính Kế toán	Từ ngày 18/08/2022 đến 01/11/2022
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	TP Tài chính Kế toán	Trước ngày 18/08/2022

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng ban	Từ ngày 30/05/2022
Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng ban	Trước ngày 30/05/2022
Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên	Trước ngày 30/05/2022
Bà Nguyễn Thị Khánh Ngọc	Thành viên	Từ ngày 30/05/2022

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Văn Thọ Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Nguyễn Văn Thọ



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 224/BCKT-TC/AVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC, được lập ngày 27/03/2023, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
0448-2023-126-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Trần Thị Chúc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
3278-2020-126-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.969.901.696.306	1.460.461.492.684
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	186.014.226.368	77.714.662.566
1. Tiền	111		99.996.215.520	45.862.344.914
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.018.010.848	31.852.317.652
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	92.823.972.425	54.326.449.825
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		92.823.972.425	54.326.449.825
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		690.540.763.603	489.419.438.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	536.941.964.766	388.717.823.657
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	112.231.119.662	81.720.751.821
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	97.612.771.295	54.894.513.291
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(56.245.092.120)	(35.913.650.378)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	969.216.335.981	812.973.753.162
1. Hàng tồn kho	141		969.216.335.981	812.973.753.162
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.306.397.929	26.027.188.740
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	4.826.419.059	1.008.594.270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.479.051.278	25.018.594.470
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	927.592	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		824.396.275.423	705.791.742.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.129.304.410	4.722.419.260
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	5.129.304.410	4.722.419.260
II. Tài sản cố định	220		458.965.780.421	393.971.077.168
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	278.277.142.992	252.474.764.436
- Nguyên giá	222		481.878.314.117	433.043.435.219
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(203.601.171.125)	(180.568.670.783)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	146.065.383.629	106.830.160.059
- Nguyên giá	225		186.477.210.279	135.002.638.529
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(40.411.826.650)	(28.172.478.470)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	34.623.253.800	34.666.152.673
- Nguyên giá	228		48.715.876.397	47.327.076.397
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(14.092.622.597)	(12.660.923.724)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	165.229.479.628	92.713.117.498
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		165.229.479.628	92.713.117.498
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	181.010.173.370	200.834.079.495
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.145.634.667	10.917.834.942
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		163.643.944.405	163.643.944.405
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.220.594.298	26.272.300.148
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.061.537.594	13.551.049.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	690.673.813	1.894.325.858
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		13.370.863.781	11.656.723.542
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		2.794.297.971.729	2.166.253.235.505

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.281.946.349.724	1.698.530.776.914
I. Nợ ngắn hạn	310		1.938.189.003.585	1.432.464.016.197
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	560.281.199.696	415.351.549.543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	239.858.074.241	194.581.589.243
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	26.471.672.594	23.213.019.766
4. Phải trả người lao động	314		21.190.013.873	17.020.352.407
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.836.564.672	17.351.258.944
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.545.573.369	3.047.281.260
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	352.815.316.115	71.981.886.582
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	733.219.228.337	673.395.258.155
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	15.000.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		971.360.688	1.521.820.297
II. Nợ dài hạn	330		343.757.346.139	266.066.760.717
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	136.803.412.954	208.138.011.354
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	206.953.933.185	57.928.749.363
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		512.351.622.005	467.722.458.591
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	512.351.622.005	467.722.458.591
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.298.650.000	366.298.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.298.650.000	366.298.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.025.000.000)	(3.025.000.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.378.845.000)	(1.611.123.912)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.297.552.322	54.297.552.322
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		97.159.264.683	51.762.380.181
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.666.232.757	12.935.748.311
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.493.031.926	38.826.631.870
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		2.794.297.971.729	2.166.253.235.505

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phong

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2023



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.621.440.531.923	2.677.987.829.210
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.621.440.531.923	2.677.987.829.210
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.409.684.635.675	2.480.951.417.936
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		211.755.896.248	197.036.411.274
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.840.187.599	10.242.940.371
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	74.122.172.300	58.924.601.726
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		61.365.416.068	46.808.061.587
6. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		227.799.725	71.479.889
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	24.981.478.118	15.028.398.596
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	66.614.661.136	76.627.541.874
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		58.105.572.018	56.770.289.338
10. Thu nhập khác	31	VI.6	3.423.381.975	3.182.082.810
11. Chi phí khác	32	VI.7	4.231.616.403	9.340.722.625
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(808.234.428)	(6.158.639.815)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		57.297.337.590	50.611.649.523
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	13.518.445.903	10.834.182.926
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.714.140.239)	50.271.522
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		45.493.031.926	39.727.195.075
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		45.493.031.926	38.826.631.870
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	900.563.205
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11	1.242	1.060
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.12	758	1.060

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phong



Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2023
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.297.337.590	50.611.649.523
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		42.735.964.085	34.032.689.258
- Các khoản dự phòng	03		5.331.441.742	31.439.900.459
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.310.657.394	783.783.015
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.962.894.849)	(3.134.843.925)
- Chi phí lãi vay	06		61.365.416.068	46.808.061.587
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		160.077.922.030	160.541.239.917
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(231.309.327.825)	9.124.694.603
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(156.242.582.819)	71.673.932.746
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		338.058.284.010	(301.423.782.696)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.614.172.744)	(3.949.490.190)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(61.365.416.068)	(41.455.194.450)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.411.351.595)	(12.141.870.969)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(550.459.609)	(409.015.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.642.895.380	(118.039.486.839)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(131.618.405.412)	(62.571.063.884)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		15.196.880.503	348.169.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(118.463.855.479)	(112.747.916.307)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		104.174.705.310	78.843.877.615
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.643.342.893
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		1.781.558.329	5.316.639.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(128.929.116.749)	(87.166.949.999)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.633.126.570.877	1.441.894.726.521
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.427.773.014.279)	(1.410.520.599.242)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.839.319.208)	(13.745.480.816)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.977.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		201.514.237.390	17.621.668.963
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		108.228.016.021	(187.584.767.875)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		77.714.662.566	265.228.544.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		71.547.781	70.886.005
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		186.014.226.368	77.714.662.566

Người lập biểu

Vũ Thị Phương Hào

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phong

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thọ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần thứ 20 ngày 27/02/2023, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty trước thay đổi GCN ĐKDN lần thứ 20: 366.298.650.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 36.629.865 cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty sau thay đổi GCN ĐKDN lần thứ 20: 378.358.650.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 37.835.865 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;

Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở;

Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình;

Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang;
Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cơ khí; Đào tạo đóng mới và sửa chữa tàu;
Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế các công trình nổi;
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn;
Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp. Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyên;
Sản xuất hoá chất cơ bản;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo các hình thức được quy định tại điểm b, d, h khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014);

Sản xuất nội hơi (trừ nội hơi trung tâm);

Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bàn lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực;

Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp. Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyên;

Sản xuất hoá chất cơ bản;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo các hình thức được quy định tại điểm b, d, h khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014);

Sản xuất nội hơi (trừ nội hơi trung tâm);

Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bàn lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực;

Sửa chữa thiết bị điện;

Phá dỡ;
Lắp đặt hệ thống điện;
Hoàn thiện công trình xây dựng;
Vận tải đường ống;
Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
Cho thuê xe có động cơ;
Thoát nước và xử lý nước thải;
Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi;
Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng;
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy;
Vận tải hàng hóa đường sắt;
Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
Đóng tàu và cầu kiện nổi; Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Sản xuất các cầu kiện kim loại;
Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
Sản xuất điện;
Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

5.1. Tổng số các công ty con

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: Không

5.2. Danh sách các công con được hợp nhất

Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Amecc Myanmar	100%	100%	Myanmar - Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Amecc Myanmar được chuyển đổi từ đồng Kyats sang VND.
Do dịch bệnh và bất ổn chính trị, Công ty TNHH Amecc Myanmar tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ cuối 6 tháng đầu năm 2021 đến hết năm 2022, hiện tại bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại.

5.3. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	23,50%	23,50%	Hải Phòng/ Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại

5.4. Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 880 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2022, có 710 cán bộ nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Việc áp dụng tỷ giá khi chuyển đổi Báo cáo tài chính tuân thủ theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân kỳ kế toán (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;

- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phân ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

22.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

22.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt tại quỹ	7.839.761.481	296.569.674
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	92.156.454.039	45.565.775.240
Các khoản tương đương tiền	86.018.010.848	31.852.317.652
	186.014.226.368	77.714.662.566

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	48.672.428.525	48.672.428.525	54.326.449.825	54.326.449.825
Trái phiếu (ii)	44.151.543.900	44.151.543.900	-	-
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.820.594.298	5.820.594.298	25.872.300.148	25.872.300.148
Trái phiếu (iii)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
	99.044.566.723	99.044.566.723	80.598.749.973	80.598.749.973

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP trong nước, được hưởng lãi suất từ 4,5% đến 7% một năm, được dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng.
- (ii) Trái phiếu Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt, ngày phát hành 29/08/2020, kỳ hạn 04 năm, kỳ hạn thanh toán lãi 06 tháng/ 01 lần. Được mua ngày 23/09/2022, giá mua 98.114.542 đồng/ trái phiếu. Toàn bộ số trái phiếu được cầm cố tại Ngân hàng HD Bank - CN Hải Phòng. Trái phiếu này đã được Công ty bán đi vào ngày 04/01/2023.
- (iii) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng (i)	11.145.634.667	-	10.917.834.942	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Lisemco 3	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Lisemco 5	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Amecc GT (ii)	6.920.000.000	-	6.920.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam (iii)	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards (iv)	155.423.944.405	-	155.423.944.405	-
	174.789.579.072	-	174.561.779.347	-

- (i) Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng có vốn điều lệ là 41,999 tỷ đồng. Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 23,50%.
- (ii) Công ty CP Amecc GT (Công ty CP Mạ kẽm Amecc) có vốn điều lệ 60 tỷ đồng. Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 11,53%.
- (iii) Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam có vốn điều lệ thực góp là 5,840 tỷ đồng. Khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 18,84%.
- (iv) Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards. Số vốn đã thực tế góp là 6.809.900 USD tương đương với 155.423.944.405 đồng trên tổng số vốn phải góp theo dự kiến là 26.310.000 USD tương ứng với tỷ lệ vốn phải góp là 15%. Thời hạn góp vốn theo chấp thuận là đến 22/6/2021. Việc tiếp tục thực hiện đầu tư đang dừng lại do chưa được Chính phủ Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài, do đó những thoả thuận ban đầu trong Bản cam kết giữa các bên góp vốn đều chưa thực hiện được.

Năm 2021, Khoản đầu tư này được tiến hành chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa - Chủ tịch HĐQT Công ty. Giá trị thanh toán ban đầu là bù trừ với tiền Công ty vay nợ ông Nghĩa, giá trị thanh toán còn lại thực hiện trong vòng 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng. Bên cạnh đó, do dịch bệnh và bất ổn về chính trị, hoạt động của liên doanh cũng bị ảnh hưởng. Công ty không có đầy đủ các thông tin tình hình tài chính của liên doanh, không có đủ cơ sở đáng tin cậy để đánh giá tồn thất suy giảm giá trị khoản đầu tư và xác định những ảnh hưởng (nếu có) đến các bên có liên quan.

- (*) Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch mua/bán (nếu có) với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh VIII. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do chưa có hướng dẫn cụ thể, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Các bên khác		
Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	20.429.783.923	20.429.783.923
Meta Trade JSC (Công ty Cổ phần Quốc tế True-Bio)	-	4.032.558.796
Samsung Engineering Co., LTD	394.314.571	7.659.326.914
Samsung Engineering Co., LTD (Xuất khẩu)	80.484.824.636	-
Công ty cổ phần tập đoàn Công nghệ T-Tech Việt Nam	75.342.899.713	34.615.353.884
BHI Co., Ltd	53.984.006.858	28.976.256.400
Khách hàng khác	275.497.796.646	275.296.090.129

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Bên liên quan**

Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng	1.108.000.001	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	3.295.133.459	1.505.614.495
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	25.602.736.664	10.100.370.821
Công ty CP thép Châu Phong - Animex	802.468.295	6.102.468.295
	536.941.964.766	388.717.823.657

4. Trả trước cho người bán**Ngắn hạn****Các bên khác**

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP XD & ĐT Phát triển Bạch Đằng 12	11.874.260.299	11.874.260.299
Công ty CP Công nghiệp & Phát triển Hoàng Mai	6.518.739.324	6.518.739.324
Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thống Nhất	-	6.486.184.815
ULTENG Company	9.869.113.605	-
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ	32.562.085.000	-
Người bán khác	51.406.921.434	56.841.567.383
	112.231.119.662	81.720.751.821

Công ty CP XD & ĐT Phát triển Bạch Đằng 12 - Nhà thầu phụ của Amecc tại dự án Hangar Nội Bài (Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay). Dự án dừng thi công do dịch bệnh, trong năm 2022 tiếp tục thực hiện.

5. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Các bên khác				
Tạm ứng	21.225.817.529	-	19.422.303.540	-
Ký cược, ký quỹ	66.448.906.629	-	27.384.304.146	-
Phải thu khác	9.938.047.137	-	8.087.905.605	-
	97.612.771.295	-	54.894.513.291	-
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.129.304.410	-	4.722.419.260	-
	5.129.304.410	-	4.722.419.260	-

6. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	77.560.340.740	21.315.248.620	39.024.920.001	3.111.269.623
	77.560.340.740	21.315.248.620	39.024.920.001	3.111.269.623

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	534.934.853.906	-	367.397.169.009	-
Công cụ, dụng cụ	19.189.258.804	-	37.059.769.259	-
Chi phí SXKD dở dang	415.092.223.271	-	407.495.352.299	-
Hàng hóa	-	-	1.021.462.595	-
	969.216.335.981	-	812.973.753.162	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	Ngắn hạn	
Công cụ dụng cụ	4.826.419.059	407.109.449
Chi phí khác	-	601.484.821
	4.826.419.059	1.008.594.270
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	690.673.813	724.577.040
Chi phí trả trước khác	-	1.169.748.818
	690.673.813	1.894.325.858

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**Phụ lục số 01****10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị
Nguyên giá	
Số dư 01/01/2022	135.002.638.529
Thuê tài chính trong kỳ	53.747.299.022
Giảm khác	(2.272.727.272)
Số dư 31/12/2022	186.477.210.279
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư 01/01/2022	28.172.478.470
Khấu hao trong kỳ	14.280.933.393
Giảm khác	(2.041.585.213)
Số dư 31/12/2022	40.411.826.650
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	106.830.160.059
Tại ngày 31/12/2022	146.065.383.629

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Chi phí giải phóng		Cộng
	mặt bằng	Phần mềm	
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2022	44.042.972.877	3.284.103.520	47.327.076.397
Số dư 31/12/2022	44.042.972.877	4.672.903.520	48.715.876.397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2022	12.032.211.228	628.712.496	12.660.923.724
Khấu hao trong kỳ	960.652.584	471.046.289	1.431.698.873
Số dư 31/12/2022	12.992.863.812	1.099.758.785	14.092.622.597
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	32.010.761.649	2.655.391.024	34.666.152.673
Tại ngày 31/12/2022	31.050.109.065	3.573.144.735	34.623.253.800

12. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2022		01/01/2022	
	Dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công tại Bà Rịa Vũng Tàu	49.007.556.527		49.007.556.527
Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng khu 2	106.352.661.463		14.250.213.137	
Dự án đầu tư nâng cấp Nhà máy 1	-		15.789.102.495	
Xây dựng cơ bản dở dang khác	9.869.261.638		13.666.245.339	
	165.229.479.628		92.713.117.498	

Dự án đầu tư xây dựng xưởng gia công tại Bà Rịa Vũng Tàu là dự án đầu tư phục vụ cho 07 Hợp đồng AMECC thực hiện cho đối tác Samsung và Hyundai từ năm 2019 đến tháng 7/2022. Nhà xưởng này đang được đàm phán để nhượng bán lại cho Công ty CP dịch vụ kỹ thuật AMECC Miền Nam.

13. Phải trả người bán

Ngắn hạn	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	01/01/2022
Các bên khác		
Công ty TNHH Marubeni Itochu Steel Việt Nam	14.197.158.895	18.553.350.482
Công ty CP Xây lắp điện 1	49.132.656.568	60.132.656.568
Công ty CP Thép Miền Bắc	44.632.117.627	26.649.311.929
Công ty CP Chế tạo giàn khoan dầu khí	39.286.879.277	41.586.879.277
Samsung Engineering Co., Ltd (Xuất khẩu)	16.499.427.644	11.090.343.807
Công ty CP Công nghiệp WELDCOM Hải Phòng	9.262.509.519	10.318.068.390
Công ty CP Thiết bị và Xây lắp số 1	14.818.806.051	-
Công ty CP Vận tải Đa phương thức VIETRANSTIMEX	8.902.288.001	11.802.288.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây lắp Hải Phòng	15.013.075.660	-
XJY Steel Co., Limited	8.716.292.076	-
Marubeni-Itochu Steel Pte Ltd	25.573.323.676	-
Công ty TNHH Gang thép Việt Tiến	10.259.807.363	-
Khách hàng khác	190.255.425.893	163.522.731.531

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Bên liên quan**

Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng	56.278.420.327	8.670.098.273
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật AMECC miền Nam	8.257.498.835	14.541.821.453
Công ty Cổ phần Amecc GT	19.708.664.941	12.743.994.347
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Năng lượng GT	1.619.793.733	33.753.150.781
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	27.867.053.610	1.986.854.705
	560.281.199.696	415.351.549.543

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Các bên khác		
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	75.065.907.540	75.065.907.540
Công ty CP Chế tạo bơm Hải Dương	-	9.440.000.020
Samsung Engineering Co., Ltd (Xuất khẩu)	-	39.950.346.505
Zilei International Engineering Consultant Co., Ltd	13.461.631.493	21.198.233.370
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Olympia	24.556.062.400	-
Liên danh MC HDEC CC1	55.850.111.193	-
Khách hàng khác	46.872.463.813	35.083.600.135
Bên liên quan		
Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards	13.843.501.673	13.843.501.673
Công ty Cổ phần Amecc GT	10.208.396.129	-
	239.858.074.241	194.581.589.243

Khoản trả trước của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay là khoản tiền liên quan đến dự án Hangar Nội Bài (Thuyết minh V.4).

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**Phải nộp**

	31/12/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2022
Thuế GTGT phải nộp	-	31.773.232	31.773.232	-
Thuế phải nộp của Amecc Myanmar	31.692.949	(2.867.693)	-	34.560.642
Thuế xuất, nhập khẩu	-	59.142	59.142	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.225.440.968	13.518.445.903	10.411.351.595	22.118.346.660
Thuế thu nhập cá nhân	1.214.538.677	1.999.166.406	1.021.247.083	236.619.354
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.747.847.354	4.571.340.464	823.493.110
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	932.667.338	932.667.338	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	125.780.013	125.780.013	-
	26.471.672.594	20.352.871.695	17.094.218.867	23.213.019.766

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Phải thu**

	31/12/2022	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	01/01/2022
Phí, lệ phí và các khoản khác	927.592	927.592	-	-
	927.592	927.592	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Các khoản trích trước chi phí thi công	1.836.564.672	17.351.258.944
	1.836.564.672	17.351.258.944

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Thi công lắp đặt KCT và các hệ thống khác - Dự án Dung Quất HP GD2	-	1.501.707.891
XD và cung cấp thiết bị - Dự án đầu tư Myanmar	1.545.573.369	1.545.573.369
	1.545.573.369	3.047.281.260

Doanh thu nhận trước từ khách hàng Trung Quốc và Myanma, hợp đồng tạm dừng do dịch bệnh và bất ổn chính trị.

18. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Các bên khác		
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	24.572.641.833	19.450.458.301
Cổ tức phải trả	2.250.852.576	2.250.852.576
Ngân hàng HDBank - CN Hải Phòng (UPAS L/C)	246.062.521.659	36.259.602.409
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đông Hải Phòng (UPAS L/C)	3.019.421.747	3.912.401.797
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hải Phòng (UPAS L/C)	51.603.867.343	-
Phải trả phải nộp khác	22.250.455.405	5.108.571.499
Bên liên quan		
Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Lãi vốn hợp tác kinh doanh	3.055.555.552	-
	352.815.316.115	66.981.886.582
Dài hạn		
Các bên khác		
Phải trả Hongkong Topway Trading Co., Ltd	-	71.334.598.400
Bên liên quan		
Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Chuyển nhượng khoản đầu tư tại Myanma (i)	96.803.412.954	96.803.412.954
Ông Nguyễn Văn Nghĩa - Vốn hợp tác kinh doanh (ii)	40.000.000.000	40.000.000.000
	136.803.412.954	208.138.011.354

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- (i) Khoản tiền của Ông Nghĩa thanh toán cho việc chuyển nhượng khoản đầu tư tại Myanmar (Thuyết minh V.2).
- (ii) Khoản tiền góp vốn hợp tác kinh doanh dự án Tổ hợp sản xuất Amecc - Samsung theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 22/06/2021. Bên góp được rút vốn trong vòng 5 năm, tính từ năm thứ 3. Khoản góp vốn được tính lãi 12%/năm, tính trên số tiền gốc đầu tư giảm dần và bên góp vốn được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ được quy định cụ thể từ hoạt động hợp tác kinh doanh. Trường hợp dự án không hiệu quả, bên góp vốn được hưởng tối thiểu bằng hiệu quả cho thuê tài sản là nhà xưởng của dự án.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			
	31/12/2022	Tăng	Giảm	01/01/2022
Ngân hàng	693.057.265.986	1.389.021.258.423	1.311.282.301.459	615.318.309.022
NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng	55.802.500.855	56.092.333.148	99.136.874.049	98.847.041.756
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồ Sơn	228.850.405.832	420.372.240.364	362.919.705.410	171.397.870.878
NH TMCP Phát triển Thành phố HCM - CN Hải Phòng	293.924.255.530	639.374.335.663	592.701.757.370	247.251.677.237
NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	37.514.217.563	133.584.172.316	142.307.906.619	46.237.951.866
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	36.980.215.669	52.368.774.645	25.016.514.629	9.627.955.653
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam HP	39.985.670.537	87.229.402.287	89.199.543.382	41.955.811.632
Cá nhân và bên liên quan	20.415.400.540	80.625.780.388	76.620.000.000	16.409.620.152
Các đối tượng khác	2.905.746.091	21.566.125.939	25.320.000.000	6.659.620.152
Nguyễn Văn Thọ	10.309.654.449	10.309.654.449	4.750.000.000	4.750.000.000
Công ty CP Thương mại Amecc ¹	7.200.000.000	48.750.000.000	46.550.000.000	5.000.000.000
Đến hạn trả	19.746.561.811	19.746.561.811	46.667.328.981	46.667.328.981
Vay dài hạn đến hạn trả	19.746.561.811	19.746.561.811	29.693.295.201	29.693.295.201
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	16.974.033.780	16.974.033.780
	733.219.228.337	1.489.393.600.622	1.434.569.630.440	678.395.258.155

Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2022

Khoản vay ngắn hạn của các Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**19.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			
	31/12/2022	Tăng	Giảm	01/01/2022
Ngân hàng	114.286.238.950	104.992.263.943	20.347.767.006	29.641.742.013
NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng	1.880.026.656	-	564.640.008	2.444.666.664
NH TMCP Phát triển Tp HCM - CN Hải Phòng	101.922.253.620	104.992.263.943	13.280.678.408	10.210.668.085
NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	3.552.749.750	-	4.057.568.590	7.610.318.340
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	700.980.000	-	1.232.280.000	1.933.260.000
NH TMCP Phương Đông OCB	6.230.228.924	-	1.212.600.000	7.442.828.924
Bên liên quan	30.338.000.000	21.088.000.000	6.450.000.000	15.700.000.000
Nguyễn Văn Thọ	21.888.000.000	20.088.000.000	5.200.000.000	7.000.000.000
Nguyễn Thị Hà	2.200.000.000	1.000.000.000	-	1.200.000.000
Nguyễn Hữu Phong	6.250.000.000	-	1.250.000.000	7.500.000.000
Nợ thuê tài chính	82.076.256.046	43.635.272.703	20.813.352.988	59.254.336.331
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	8.850.262.417	-	9.435.864.124	18.286.126.541
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NH TMCP Công thương Việt Nam	57.602.942.904	26.679.808.290	10.045.075.176	40.968.209.790
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.623.050.725	16.955.464.413	1.332.413.688	-
	226.700.494.996	169.715.536.646	47.611.119.994	104.596.078.344
Trong đó:				
Đến hạn trả	19.746.561.811			46.667.328.981
Vay và nợ thuê TC DH	206.953.933.185			57.928.749.363

Thông tin liên quan đến các khoản vay dài hạn tại 31/12/2022

Khoản vay dài hạn của các Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để đầu tư tài sản dài hạn. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

Thông tin liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại 31/12/2022

Mục đích thuê để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể.

20. Dự phòng phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Dự phòng quỹ tiền lương	-	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Năm 2022 Công ty không trích lập dự phòng quỹ tiền lương. Năm 2021, Công ty trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề, không quá 17% quỹ tiền lương thực chi trả năm 2021.

21. Vốn chủ sở hữu**21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****Phụ lục số 02**

21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Nguyễn Văn Thọ	13,98	51.224.790.000	13,98	51.224.790.000
Nguyễn Văn Nghĩa	12,31	45.100.000.000	12,31	45.100.000.000
Sankyu .Inc	30,03	110.000.000.000	30,03	110.000.000.000
Cổ đông khác	43,67	159.973.860.000	43,67	159.973.860.000
	100,00	366.298.650.000	100,00	366.298.650.000

21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	366.298.650.000	366.298.650.000
Vốn góp cuối kỳ	366.298.650.000	366.298.650.000

21.4. Cổ phiếu	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.629.865	36.629.865
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	36.629.865
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	36.629.865
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

21.5. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển	54.297.552.322	54.297.552.322

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền USD	874.466,35	1.450.293,93
Tiền EUR	71,36	148,56
Tiền Kyats	135.085,00	135.085,00

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.262.204.761.491	1.306.416.999.790
Doanh thu chế tạo lắp đặt, khác	1.359.235.770.432	1.371.570.829.420
	2.621.440.531.923	2.677.987.829.210
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng	36.210.939.103	-
Công ty Cổ phần Amecc GT	72.911.929.147	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	156.297.889.402	92.398.112.481
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	355.477.662.680	102.470.182.937
	620.898.420.332	194.868.295.418

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	1.209.662.690.058	1.241.791.786.178
Giá vốn chế tạo lắp đặt, khác	1.200.021.945.617	1.239.159.631.758
	2.409.684.635.675	2.480.951.417.936

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.938.224.910	5.316.639.884
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	5.901.962.689	4.855.414.482
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	70.886.005
	11.840.187.599	10.242.940.371

4. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền vay	61.365.416.068	46.808.061.587
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.184.105.423
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	11.446.098.838	5.710.083.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.310.657.394	-
Chi phí tài chính khác		4.222.351.214
	74.122.172.300	58.924.601.726

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022	Năm 2021
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.981.478.118	15.028.398.596
	24.981.478.118	15.028.398.596
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	36.784.853.528	27.826.421.599
Chi phí dự phòng	24.703.049.492	40.195.652.735
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(19.371.607.750)	(8.755.752.276)
Chi phí quản lý khác	24.498.365.866	17.361.219.816
	66.614.661.136	76.627.541.874

6. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.796.870.214	2.309.464
Bán phế liệu	-	2.324.707.332
Các khoản khác	1.626.511.761	855.066.014
	3.423.381.975	3.182.082.810

7. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	1.445.627.755	1.156.537.793
Chi phí phế liệu	-	2.144.213.859
Tài sản thiếu kiểm kê	8.383.598	1.649.701.607
Công nợ nhỏ lẻ và chi phí khác	2.777.605.050	4.390.269.366
	4.231.616.403	9.340.722.625

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	780.260.119.835	504.300.959.139
Chi phí nhân công	310.527.449.903	490.937.433.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.883.336.425	38.974.335.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.042.933.867	112.502.427.986
Chi phí khác bằng tiền	33.501.115.813	44.691.291.263
	1.299.214.955.843	1.191.406.446.842

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	13.518.445.903	10.834.182.926
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
	13.518.445.903	10.834.182.926

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.714.140.239)	50.271.522
	(1.714.140.239)	50.271.522

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận thuần sau thuế	45.493.031.926	38.826.631.870
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	45.493.031.926	38.826.631.870
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.629.865	36.629.865
	1.242	1.060

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm trước. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước là 1.028 đồng đã được trình bày lại.

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	45.493.031.926	38.826.631.870
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.629.865	36.629.865
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	23.370.135	-
	758	1.060

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT trong tương lai

	Năm 2022	Năm 2021
Mua tài sản cố định thuê tài chính	43.635.272.703	37.542.915.751

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tiền và tương đương tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng tại 31/12/2022 là khoản tiền gửi có kỳ hạn số tiền 86.018.010.848 đồng nhằm đảm bảo cho các khoản vay, thư tín dụng trả chậm có giá trị thanh toán trả ngay (UPAS L/C).

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền thu từ đi vay từ kế ước thông thường	1.633.126.570.877	1.440.764.344.313

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.427.773.014.279	1.400.579.079.869

VIII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty đã thực hiện góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards với mức đầu tư là 26,31 triệu USD. Việc tiếp tục thực hiện đầu tư đang dừng lại do chưa được Chính phủ Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài, do đó những thoả thuận ban đầu trong Bản cam kết giữa các bên góp vốn đều chưa thực hiện được. Năm 2021, khoản đầu tư này được tiến hành chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa - Chủ tịch HĐQT Công ty. Giá trị thanh toán ban đầu là bù trừ với tiền Công ty vay nợ ông Nghĩa, giá trị thanh toán còn lại thực hiện trong vòng 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng. Nghĩa vụ và quyền lợi các bên có liên quan nằm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng đến ngày 15/05/2023.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đầu năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động số 032/2023/BC-AMECC ngày 03/02/2023, số lượng cổ phiếu Công ty phát hành là 1.206.000 cổ phiếu.

Sau đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty tiến hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương án chào bán đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường số 02/2022/NQ-ĐHCĐ-AMECC ngày 16/11/2022, Nghị quyết HĐQT số 13/2022/NQ-HQĐT-AMECC ngày 17/11/2022, số 14/2022/NQ-HQĐT-AMECC ngày 17/11/2022, số 16/2022/NQ-HQĐT-AMECC ngày 16/12/2022. Tổng số cổ phiếu chào bán là 22.164.135 cổ phiếu. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã công bố về việc nhận được Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty vào ngày 27/02/2023.

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	Công ty liên kết
Công ty TNHH Amecc Myanmar	Công ty con
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam	Công ty liên quan
Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards	Công ty liên quan
Công ty CP Amecc GT	Công ty liên quan
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	Cùng thành viên góp vốn
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	Cùng thành viên góp vốn
Công ty CP thép Châu Phong - Animex	Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phong	Kế toán trưởng

3.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

<u>Nội dung/ Bên liên quan</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng		
Bán hàng hóa, dịch vụ	36.210.939.103	14.054.615.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	568.296.613.132	57.171.515.315
Vay ngắn hạn	48.750.000.000	5.000.000.000
Trả vay ngắn hạn	46.550.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam		
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.168.474.386	19.038.263.170
Công ty CP Amecc GT		
Bán hàng	72.911.929.147	38.879.002.380
Mua hàng hóa, dịch vụ	152.107.518.988	171.197.146.800
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT		
Bán hàng	156.297.889.402	92.398.112.481
Mua hàng hóa, dịch vụ	14.433.659.740	200.197.840.408
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh		
Bán hàng	355.477.662.680	102.470.182.937
Mua hàng hóa, dịch vụ	92.444.870.836	141.648.541.016
Ông Nguyễn Văn Nghĩa		
Phải trả lãi vay, lãi góp vốn hợp tác kinh doanh	6.199.999.993	5.309.294.478
Trả lãi vay	3.144.444.441	-
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	-	40.000.000.000
Phải trả khác	-	96.803.412.954
Ông Nguyễn Văn Thọ		
Vay ngắn hạn	10.309.654.449	4.750.000.000
Trả vay ngắn hạn	4.750.000.000	-
Vay dài hạn	20.088.000.000	17.000.000.000
Trả vay dài hạn	5.200.000.000	10.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Phong		
Vay ngắn hạn	-	1.500.000.000
Trả vay ngắn hạn	1.500.000.000	-
Vay dài hạn	-	7.500.000.000
Trả vay dài hạn	1.250.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**3.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

3.4. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	Năm 2022	Năm 2021
Nguyễn Văn Nghĩa	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Văn Thọ	928.244.499	834.685.678
Nguyễn Sơn	-	42.000.000
Trần Ngọc Dương	84.000.000	84.000.000
Đình Ngọc Thắng	84.000.000	84.000.000
Lê Minh Tuấn	829.346.153	449.860.769
Nguyễn Văn Dũng	735.614.040	590.428.926
Đỗ Tiến Thành	-	164.132.020
Nguyễn Hữu Phong	410.257.963	369.777.293
Phạm Minh Hiếu	274.230.770	-

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ chế tạo, lắp đặt, khác; Dịch vụ thương mại.

	Năm 2022		
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.359.235.770.432	1.262.204.761.491	2.621.440.531.923
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.329.107.613.418	1.234.227.346.487	2.563.334.959.905
Lợi nhuận từ hoạt động KD	30.128.157.014	27.977.415.004	58.105.572.018
	31/12/2022		
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Tài sản bộ phận	1.594.197.227.360	478.549.080.552	2.072.746.307.912
Tài sản không phân bổ			721.551.663.817
Tổng tài sản	1.594.197.227.360	478.549.080.552	2.794.297.971.729
Nợ phải trả của các bộ phận	796.150.454.889	10.208.396.129	806.358.851.018
Nợ phải trả không phân bổ			1.475.587.498.706
Tổng nợ phải trả	796.150.454.889	10.208.396.129	2.281.946.349.724

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Năm 2021**

	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.200.704.421.953	1.133.931.886.996	2.334.636.308.949
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.171.507.438.602	1.106.358.581.009	2.277.866.019.611
Lợi nhuận từ hoạt động KD	29.196.983.351	27.573.305.987	56.770.289.338

31/12/2021

	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Tài sản bộ phận	1.379.078.727.160	315.788.951.421	1.694.867.678.581
Tài sản không phân bổ	-	-	471.385.556.924
Tổng tài sản	1.379.078.727.160	315.788.951.421	2.166.253.235.505
Nợ phải trả của các bộ phận	706.807.630.015	9.440.000.020	716.247.630.035
Nợ phải trả không phân bổ			982.283.146.879
Tổng nợ phải trả	706.807.630.015	9.440.000.020	1.698.530.776.914

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

**Vũ Thị Phương Hào**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Hữu Phong**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Phụ lục số 01****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2022	126.440.890.604	256.648.123.787	33.475.669.711	1.548.446.567	14.930.304.550	433.043.435.219
Mua trong kỳ	-	9.647.426.111	2.456.520.706	328.089.517	-	12.432.036.334
ĐT XD CB hoàn thành	53.747.947.248	-	-	-	-	53.747.947.248
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.698.291.830)	(2.454.120.706)	-	-	(17.152.412.536)
Giảm khác	-	(147.372.340)	-	-	(45.319.808)	(192.692.148)
Số dư 31/12/2022	180.188.837.852	251.449.885.728	33.478.069.711	1.876.536.084	14.884.984.742	481.878.314.117
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2022	52.682.746.957	103.867.698.136	21.376.639.703	1.484.799.028	1.156.786.959	180.568.670.783
Khấu hao trong kỳ	4.758.771.697	18.570.420.065	2.756.328.388	115.028.565	970.155.444	27.170.704.159
Tăng khác	279.337.944	-	-	-	-	279.337.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.957.126.172)	(26.418.134)	-	-	(3.983.544.306)
Giảm khác	-	(147.372.340)	-	(279.337.944)	(7.287.171)	(433.997.455)
Số dư 31/12/2022	57.720.856.598	118.333.619.689	24.106.549.957	1.320.489.649	2.119.655.232	203.601.171.125
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	73.758.143.647	152.780.425.651	12.099.030.008	63.647.539	13.773.517.591	252.474.764.436
Tại ngày 31/12/2022	122.467.981.254	133.116.266.039	9.371.519.754	556.046.435	12.765.329.510	278.277.142.992

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
 Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

120.496.936.685
 83.106.279.694

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECCKm 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Phụ lục số 02****21. Vốn chủ sở hữu****21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Lợi ích CĐ không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2021	366.298.650.000	(3.025.000.000)	905.701.285	10.601.753.236	56.746.793.122	22.726.235.111	454.254.132.754
Lãi/(lỗ) trong kỳ					38.826.631.870	900.563.205	39.727.195.075
Tăng khác				43.695.799.086	(43.695.799.086)		43.695.799.086
Phân phối lợi nhuận			(2.516.825.197)				(43.695.799.086)
Chuyển đổi báo cáo							(2.516.825.197)
Giảm khác					(115.245.725)	(23.626.798.316)	(23.742.044.041)
Số dư 31/12/2021	366.298.650.000	(3.025.000.000)	(1.611.123.912)	54.297.552.322	51.762.380.181	-	467.722.458.591
Số dư 01/01/2022	366.298.650.000	(3.025.000.000)	(1.611.123.912)	54.297.552.322	51.762.380.181	-	467.722.458.591
Lãi/(lỗ) trong kỳ					45.493.031.926		45.493.031.926
Chuyển đổi báo cáo			(767.721.088)		(96.147.424)		(863.868.512)
Số dư 31/12/2022	366.298.650.000	(3.025.000.000)	(2.378.845.000)	54.297.552.322	97.159.264.683	-	512.351.622.005

